

男子雙打組別 本地排名



澳門網球總會
ASSOCIAÇÃO DE TÊNIS DE MACAU
MACAU TENNIS ASSOCIATION

排名	球員姓名	總分
1	許澤森 XU Ze Seng	180
2	周晞宇 Chao Hei U	150
3	何鋸朗 HO Si Long	145
4	周正宇 CHAO Cheng U	90
5	林展樂 LAM Chin Lok	80
6	何家仲 HO KaChong	75
7	許擎鑫 XU Qing Xin	65
8	李卓雄 LEI Adrian Cheuk Hung	65
9	余子銳 YU Zi Rui	55
10	李子堯 LEI Chi Io	50
-	楊駿城 IEONG Chon Seng	50
-	易中 YI Zhong	50
-	陳安傑 CHAN On Kit	50
-	郭萬寧 GUO WanNing	50
15	許天蔚 HOI Tin Wai	45
-	李俊霆 LEI Chon Teng	45
17	吳朗熙 NG Long Hei	40
18	文志遠 WEN Zhi Yuan	30
-	歐子榮 AO Chi Veng	30
-	吳彥宏 WU YanHong	30
-	張文晟 ZHANG WenSheng	30
22	莫焯文 MOK Cheok Man	25
-	吳朗熙 NG Long Hei	25
24	朱泓宇 ZHU HongYu	15

- 周紹斌 ZHOU ShaoBin	15
- 李旭恆 LI XuHeng	15
- 田愛陽 TIAN AiYang	15
- 陳皓民 CHAN Hou man	15
- Adriano Jorge	15
- Albertino Armando Alves de Almeida	15
- 趙志謙 CHIO chi him	15
- 巫泓澤	15

女子雙打組別 本地排名



澳門網球總會
ASSOCIAÇÃO DE TÊNIS DE MACAU
MACAU TENNIS ASSOCIATION

排名	球員姓名	總分
1	楊凱瞳 IEONG EMMA HOI TUNG	100
2	高詠茵 KOU Weng Ian	80
-	湯子萱 TANG Chi Hun	80
4	陳奕涵 CHEN Yi Han	75
-	劉子毓 LIU Zi Yu	75
6	楊伊琦 IEONG I Kei	70
7	古蕙僑 KU Wai	50
-	譚祺議 TAM Kei Yee	50
9	鄺凱瑩 KUONG Hoi Ieng	40
10	高方穎 KOU Fong Weng	30

混合雙打組別 本地排名



澳門網球總會
ASSOCIAÇÃO DE TÊNIS DE MACAU
MACAU TENNIS ASSOCIATION

排名	球員姓名	性別	總分
1	高方穎 KOU Fong Weng	F	80
2	劉正文 Jamie LAU	F	75
-	吳朗熙 NG Long Hei	M	75
-	郭晶瑋 GUO Jingwei	F	75
-	許榮燦 XU RONG SHEN	M	75
6	歐樂天 Albertino Armando	M	50
-	關嘉誠 KUAN Eugene Brian	M	50
-	許澤森 XU Ze Seng	M	50
-	胡康堤 WOO Hong Tai	F	50
-	高詠茵 KOU Weng Ian	F	50
11	許擎鑫 XU Qing Xin	M	40
-	張修芸 ZHANG Xiu Yun	F	40
-	陳建瑜 CHAN Kin U	M	40
-	吳美賢 NG Mei In	F	40
15	鄺凱瑩 KUONG Hoi Ieng	F	30
-	楊駿城 IEONG Chon Seng	M	30
-	Adriano Jorge	M	30
18	郭萬寧 GUO WanNing	M	25
-	傅淏嘉 FU HaoJia	F	25

元老雙打組別 本地排名



澳門網球總會
ASSOCIAÇÃO DE TÊNIS DE MACAU
MACAU TENNIS ASSOCIATION

排名	球員姓名	總分
1	Leal Correia Cardoso Ferreira, Pedro Francisco	175
2	吳仕炳 NG Si Peng	150
-	Telo Mexia, João Carlos Baptista Soares	150
4	鍾永安 Chong Weng On	100
5	胡漢成 WOO Hon Seng	50
-	De Carvalho Osório Ribeiro De Figueiredo, Dinis	50
-	歐子榮 AO Chi Veng	50
-	許少勇 HOI Sio Iong	50
9	楊名就 IEONG Meng Chao	40
-	許志樑 HOI Chi Leong	40
11	趙必銳 CHIO Pit Ioi	30
-	劉善斌 LAO Sin Pan	30
-	朱一波 CHU Iat Po	30
-	張展東 CHEONG Chin Tong	30
15	Rafael Duarte Branco da Gama	25